

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 5789
	Giờ..... Ngày 23 tháng 2 năm 12

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu
Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thông tin chung

Giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng	04/UBCK-GCN cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007
Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ	58/QĐ-SGDHCM cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008
Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	11/UBCK-GCN cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 10 năm.

Ban Đại diện Quỹ	Ông Đặng Thái Nguyên	Chủ tịch
	Bà Đỗ Thị Đức Minh	Phó Chủ tịch
	Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên
	Ông Lê Trung Thành	Thành viên
	Ông Huỳnh Văn Thôn	Thành viên
	Bà Tạ Ngọc Phúc	Thư ký

Công ty Quản lý Quỹ	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
---------------------	---

Ngân hàng Giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
--------------------	---

Trụ sở Đăng ký	Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
----------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
------------------	-------------------------------

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được trình bày theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, mà các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động của Quỹ trong năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Công Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Đặng Thái Nguyên, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam ("Quỹ"), phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập theo các Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ 



Ông Đặng Thái Nguyên
Chủ tịch



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư đính kèm của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 2 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự bảo đảm hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-241



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hảo

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B01-QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A.	TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3	35.086.811.122	22.444.292.332
120	2. Đầu tư chứng khoán	4	403.586.076.400	709.684.847.325
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	5	7.167.929.555	10.492.363.556
200	TỔNG TÀI SẢN		445.840.817.077	742.621.503.213
B.	NGUỒN VỐN			
300	I. NỢ PHẢI TRẢ		1.461.649.846	2.996.307.633
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	6	26.969.514	596.023.111
314	2. Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ		48.000.000	48.000.000
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	7	586.613.221	1.285.480.022
318	4. Phải trả khác	8	800.067.111	1.066.804.500
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		444.379.167.231	739.625.195.580
410	1. Vốn phát hành cho các nhà đầu tư	9	806.460.000.000	806.460.000.000
420	2. Lỗ lũy kế	10	(362.080.832.769)	(66.834.804.420)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		445.840.817.077	742.621.503.213

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Mẫu B01-QĐT

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chứng khoán theo mệnh giá (không bao gồm quyền mua cổ phiếu)	203.990.260.000	198.249.720.000



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Lê Thị Thành Tâm

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
A.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN			
10	I. (Lỗ)/thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		(86.028.118.260)	58.301.774.394
11	1. Cổ tức được nhận		24.157.063.800	21.587.151.300
13	2. Lãi tiền gửi ngân hàng		4.949.919.805	2.037.774.396
14	3. (Lỗ)/thu nhập bán chứng khoán		(115.135.101.865)	33.277.033.498
18	4. Thu nhập khác		-	1.399.815.200
30	II. Chi phí		12.758.943.809	20.070.139.420
31	1. Phí quản lý Quỹ và thưởng hoạt động	13a	10.044.746.193	16.747.449.240
32	2. Phí lưu ký và giám sát	13b	579.428.126	678.503.523
33	3. Chi phí họp, đại hội		464.840.371	765.416.750
34	4. Chi phí kiểm toán		260.116.670	248.844.750
38	5. Phí và chi phí khác	11	1.409.812.449	1.629.925.157
50	III. (Lỗ)/lợi nhuận thuần đã thực hiện trong năm		(98.787.062.069)	38.231.634.974

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Mẫu B02-QĐT

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
B.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập		72.048.880.937	58.010.598.623
61	1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		72.048.880.937	58.010.598.623
70	II. Chi phí		268.507.847.217	219.443.474.384
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán		268.507.847.217	219.443.474.384
80	III. Lỗ thuần chưa thực hiện trong năm		(196.458.966.280)	(161.432.875.761)
	LỖ THUẦN TRONG NĂM		(295.246.028.349)	(123.201.240.787)
	Lỗ trên một đơn vị quỹ	12	(3.661)	(1.528)



phư
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Lê Thị Thành Tâm

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B05-QĐT

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
1	Tiền gửi ngân hàng	3	35.086.811.122	22.444.292.332
2	Đầu tư chứng khoán	4	403.586.076.400	709.684.847.325
2.1	Cổ phiếu niêm yết		399.641.497.200	679.935.829.500
2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết		3.944.579.200	23.081.200.000
2.3	Quyền mua cổ phiếu		-	6.667.817.825
3	Cổ tức được nhận	5	1.558.861.500	2.451.894.000
4	Lãi tiền gửi ngân hàng được nhận	5	532.055.555	92.305.556
5	Tiền bán chứng khoán phải thu	5	5.077.012.500	7.948.164.000
Tổng tài sản			445.840.817.077	742.621.503.213
6	Phải trả hoạt động đầu tư	6	(26.969.514)	(596.023.111)
7	Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ		(48.000.000)	(48.000.000)
8	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	7	(586.613.221)	(1.285.480.022)
9	Phải trả khác	8	(800.067.111)	(1.066.804.500)
Tổng nợ phải trả			(1.461.649.846)	(2.996.307.633)
Giá trị tài sản ròng của Quỹ			444.379.167.231	739.625.195.580
Tổng số đơn vị quỹ			80.646.000	80.646.000
Giá trị của một đơn vị quỹ			5.510	9.171


 Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
 (Việt Nam)

Lê Thị Thành Tâm
 Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC


 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
 Việt Nam
 Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
 Ông Trần Thanh Tân
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Mẫu B06-QĐT

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Chỉ tiêu	2011 VND	2010 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	739.625.195.580	943.472.436.367
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	(295.246.028.349)	(203.847.240.787)
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	(295.246.028.349)	(123.201.240.787)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong năm	-	(80.646.000.000)
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	444.379.167.231	739.625.195.580



ph Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Lê Thị Thành Tâm

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B07-QĐT

STT	Loại	Số lượng cổ phiếu	Giá thị trường tại ngày 31/12/2011 VND	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2011 VND	Tỷ lệ (%) tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết			399.641.497.200	89,64%
1	BCI	391.160	14.900	5.828.284.000	1,30%
2	DPM	1.591.500	23.800	37.877.700.000	8,50%
3	FPT	826.533	49.700	41.078.690.100	9,21%
4	HAG	783.297	19.500	15.274.291.500	3,43%
5	HBC	548.075	22.900	12.550.917.500	2,82%
6	HPG	481.880	17.500	8.432.900.000	1,89%
7	PET	564.930	12.000	6.779.160.000	1,52%
8	PLC	1.121.215	14.200	15.921.253.000	3,57%
9	PVC	573.200	12.000	6.878.400.000	1,54%
10	PVD	758.257	33.200	25.174.132.400	5,65%
11	PVX	1.637.215	6.800	11.133.062.000	2,50%
12	PXS	1.057.200	7.100	7.506.120.000	1,68%
13	REE	1.397.370	11.300	15.790.281.000	3,54%
14	SD5	431.200	21.300	9.184.560.000	2,06%
15	SJS	835.000	22.800	19.038.000.000	4,27%
16	SPM	538.220	47.500	25.565.450.000	5,73%
17	SSI	881.740	13.700	12.079.838.000	2,71%
18	TCM	2.226.945	8.400	18.706.338.000	4,20%
19	TTF	22.155	5.800	128.499.000	0,03%
20	TTP	748.190	28.000	20.949.320.000	4,70%
21	VC2	343.900	14.100	4.848.990.000	1,09%
22	VCB	1.243.199	21.800	27.101.738.200	6,08%
23	VNM	528.945	86.500	45.753.742.500	10,26%
24	XMC	730.100	8.300	6.059.830.000	1,36%
II	Cổ phiếu chưa niêm yết			3.944.579.200	0,88%
1	Tổng công ty khí Việt Nam	137.600	28.667	3.944.579.200	0,88%
III	Quyền mua cổ phiếu			-	-
1	PVX (*)	1.758.300	-	-	-

(*) Quyền mua cổ phiếu có giá trị bằng không vì giá thị trường của cổ phiếu liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 nhỏ hơn giá thực hiện quyền. Sau ngày lập báo cáo tài chính, Quỹ đã không thực hiện quyền mua cổ phiếu này.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Mẫu B07-QĐT

STT	Loại	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2011 VND	Tỷ lệ (%) tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
IV	Các tài sản khác	7.167.929.555	1,61%
1	Cổ tức được nhận	1.558.861.500	0,35%
2	Lãi tiền gửi ngân hàng được nhận	532.055.555	0,12%
3	Tiền bán chứng khoán phải thu	5.077.012.500	1,14%
V	Tiền gửi ngân hàng	35.086.811.122	7,87%
VI	Tổng giá trị danh mục	445.840.817.077	100,00%



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Lê Thị Thành Tâm

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
 Việt Nam
 Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
 Việt Nam
 Ông Trần Thanh Tân
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 10 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập.

Tổng số vốn Điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập là 8.000 tỷ đồng Việt Nam. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 80.646.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam trên mỗi đơn vị quỹ cho lần huy động vốn đầu tiên.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư chủ yếu bao gồm các doanh nghiệp có cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được quản lý nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 58/QĐ-SGDHCM ngày 3 tháng 6 năm 2008.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, một Công ty Quản lý Quỹ được thành lập tại Việt Nam. Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) được lập theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động;
- Báo cáo tài sản;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng;
- Báo cáo danh mục đầu tư; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ những điểm được nêu ở Thuyết minh số 2(g).

Các chính sách kế toán sau đây đã được Quỹ áp dụng một cách nhất quán trong năm.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Quỹ áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đo lường hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Quỹ. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do phương pháp áp dụng phi hồi tố.

(d) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

(e) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 ("CMKT 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(f) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

(g) Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó, và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

(iii) Đánh giá lại

Theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành, khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Các chứng khoán niêm yết sẽ được đánh giá lại theo giá thị trường của các chứng khoán đó tại ngày lập báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các chứng khoán chưa niêm yết sẽ được đánh giá lại theo giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Cổ phiếu thưởng, cổ tức chia bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu được ghi nhận như là các khoản đầu tư với giá trị bằng không tại thời điểm ban đầu và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính theo giá tham khảo của các chứng khoán liên quan tại ngày đó.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(i) Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quỹ cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật) theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành.

(l) Vốn góp

Các đơn vị quỹ phát hành cho các nhà đầu tư được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(m) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) Lãi tiền gửi và thu nhập cổ tức

Lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích trừ khi nghi ngờ về khả năng thu hồi. Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được chi trả hình thành.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(n) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận theo cơ sở dồn tích. Tất cả các khoản chi phí được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc mua các khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

(o) Lãi/lỗ trên mỗi đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ

Quỹ trình bày lãi/lỗ cơ bản trên mỗi đơn vị ("EPU") cho các đơn vị quỹ. Lãi/lỗ cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ của Quỹ chia cho số đơn vị quỹ bình quân trong năm.

Giá trị tài sản ròng ("NAV") trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số đơn vị quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(p) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ.

(r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho Quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

(s) **Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền bằng đồng Việt Nam gửi tại các ngân hàng sau đây vào thời điểm cuối năm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	1.086.811.122	4.444.292.332
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	19.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	10.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	15.000.000.000	-
	35.086.811.122	22.444.292.332

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ được hưởng mức lãi suất danh nghĩa năm là 14% và đáo hạn vào cuối tháng 2 năm 2012 và tháng 3 năm 2012.

4. Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như được trình bày trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được Quỹ đầu tư vào. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2(g), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**Mẫu B04-QĐT****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011****(tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VND	Lỗ do đánh giá lại VND	Giá thị trường tại ngày 31/12/2011 VND
2011			
Cổ phiếu niêm yết	674.720.148.526	(275.078.651.326)	399.641.497.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.984.380.000	(39.800.800)	3.944.579.200
	678.704.528.526	(275.118.452.126)	403.586.076.400

	Giá mua VND	(Lỗ)/lãi do đánh giá lại VND	Giá thị trường tại ngày 31/12/2010 VND
2010			
Cổ phiếu niêm yết	765.098.512.471	(85.162.682.971)	679.935.829.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	23.245.820.700	(164.620.700)	23.081.200.000
Quyền mua cổ phiếu	-	6.667.817.825	6.667.817.825
	788.344.333.171	(78.659.485.846)	709.684.847.325

5. Phải thu hoạt động đầu tư

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ kinh doanh chứng khoán (*)	5.077.012.500	7.948.164.000
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	532.055.555	92.305.556
Cổ tức phải thu	1.558.861.500	2.451.894.000
	7.167.929.555	10.492.363.556

(*) Phải thu từ kinh doanh chứng khoán thể hiện số tiền được nhận từ việc bán các chứng khoán niêm yết, khoản này sẽ được thanh toán sau ba ngày làm việc (T+3) kể từ ngày giao dịch (T) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập đối với các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán là rất nhỏ.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán và cổ tức đã được thu đầy đủ.

6. Phải trả hoạt động đầu tư

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Khoản đầu tư chứng khoán chờ thanh toán (*)	-	476.000.000
Phí môi giới phải trả	26.969.514	120.023.111
	<u>26.969.514</u>	<u>596.023.111</u>

(*) Khoản đầu tư chứng khoán chờ thanh toán thể hiện khoản phải trả cho việc mua các chứng khoán niêm yết được thanh toán sau ba ngày làm việc (T+3) kể từ ngày giao dịch (T) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phí quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	556.207.226	1.234.851.126
Phí lưu ký và giám sát phải trả cho Ngân hàng Giám sát	30.405.995	50.628.896
	<u>586.613.221</u>	<u>1.285.480.022</u>

8. Phải trả khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cổ tức phải trả cho các nhà đầu tư có chứng khoán chưa lưu ký tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	83.000.000	83.040.000
Chi phí hội nghị	625.628.236	747.875.000
Phí kiểm toán trích trước	91.438.875	235.889.500
	<u>800.067.111</u>	<u>1.066.804.500</u>

9. Vốn phát hành

Vốn được duyệt tối đa của Quỹ là 8.000 tỷ đồng Việt Nam, tương đương 800.000.000 đơn vị quỹ với mỗi đơn vị quỹ trị giá 10.000 đồng Việt Nam. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số vốn được góp bởi các chủ đầu tư là 806.460 triệu đồng Việt Nam, tương đương 80.646.000 đơn vị quỹ (31/12/2010: 806.460 triệu đồng Việt Nam, tương đương 80.646.000 đơn vị quỹ).

Không có biến động trong vốn phát hành trong năm.

Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các đơn vị quỹ đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn và các quyền khác như nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

10. Lỗ lũy kế

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	(66.834.804.420)	137.012.436.367
Lỗ thuần trong năm	(295.246.028.349)	(123.201.240.787)
Cổ tức	-	(80.646.000.000)
Số dư cuối năm	(362.080.832.769)	(66.834.804.420)

11. Phí và chi phí khác

	2011 VND	2010 VND
Phí môi giới bán chứng khoán	504.809.524	828.327.921
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 13 (c))	312.000.000	312.000.000
Chi phí họp Ban Đại diện Quỹ	289.536.891	191.345.269
Chi phí linh tinh	303.466.034	298.251.967
	1.409.812.449	1.629.925.157

12. Lỗ trên mỗi đơn vị quỹ

Lỗ trên mỗi đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được tính trên cơ sở lỗ của năm là 295.246.028.349 đồng Việt Nam (2010: 123.201.240.787 đồng Việt Nam) và số đơn vị quỹ bình quân trong năm là 80.646.000 đơn vị quỹ (2010: 80.646.000 đơn vị quỹ).

13. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Quỹ có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

(a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

	2011 VND	2010 VND
Phí quản lý Quỹ	10.044.746.193	16.747.449.240

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Do sự sụt giảm chung trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ đồng ý giảm phí quản lý Quỹ hàng tháng xuống còn một phần mười hai của một phẩy năm phần trăm (1.5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Phí thưởng hoạt động được tính vào cuối năm trên cơ sở phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm của Quỹ. Không có khoản phí thưởng hoạt động nào được ghi nhận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do không đủ điều kiện.

(b) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), Ngân hàng Giám sát

	2011 VND	2010 VND
Phí lưu ký và giám sát tài sản (*)	464.656.618	678.503.523

Quỹ đã chỉ định ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) làm Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát phí giám sát và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phẩy không tám phần trăm (0,08%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Trong đó phí giám sát bằng với một phần mười hai của không phẩy không hai phần trăm (0,02%) giá trị tài sản ròng của Quỹ và phí lưu ký bằng một phần mười hai của không phẩy không sáu phần trăm (0,06%) giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí giám sát phải chịu mức thuế suất thuế VAT là 10%.

(*) Phí lưu ký và giám sát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 không bao gồm phí lưu ký đã trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với số tiền 114.771.508 Đồng (2010: Không).

(c) Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên nào của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Tiền phụ cấp và các chi phí liên quan của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	2011 VND	2010 VND
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	312.000.000	312.000.000

14. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2010
I	Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
1	Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	90,52%	95,56%
2	Tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	90,52%	94,67%
3	Tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	89,64%	91,56%
4	Tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,88%	3,11%
5	Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán khác trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,90%
6	Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	7,87%	3,02%
7	Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	(63,36%)	(13,89%)
8	Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	2,86%	2,70%
II	Các chỉ số thị trường		
1	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	80.646.000	80.646.000
2	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty quản lý Quỹ	0,062%	0,075%
3	Tỷ lệ giao dịch cổ phiếu quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong năm	28,31%	52,66%
4	Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ (VND)	5.510	9.171

15. Quản lý rủi ro tài chính

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 tháng VND	Từ 1 đến 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Phải trả cho các hoạt động đầu tư	26.969.514	26.969.514	26.969.514	-	-
Tiền thù lao phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	48.000.000	48.000.000	48.000.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	586.613.221	586.613.221	586.613.221	-	-
Phải trả khác	800.067.111	800.067.111	800.067.111	-	-
	1.461.649.846	1.461.649.846	1.461.649.846	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2010					
Phải trả cho các hoạt động đầu tư	596.023.111	596.023.111	596.023.111	-	-
Tiền thù lao phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	48.000.000	48.000.000	48.000.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	1.285.480.022	1.285.480.022	1.285.480.022	-	-
Phải trả khác	1.066.804.500	1.066.804.500	1.066.804.500	-	-
	2.996.307.633	2.996.307.633	2.996.307.633	-	-

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 399.641.497.200 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 679.935.829.500 Đồng). Trong năm 2011, tỉ lệ biến động giữa tháng có VN Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 31%. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 31% tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lỗ thuần trong năm của Quỹ sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 123.888.864.132 Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 210.780.107.145 Đồng) và theo đó tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 123.888.864.132 Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 210.780.107.145 Đồng).

16. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	35.086.811.122	35.086.811.122	22.444.292.332	22.444.292.332
Các khoản đầu tư chứng khoán	403.586.076.400	403.586.076.400	709.684.847.325	709.684.847.325
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	399.641.497.200	399.641.497.200	679.935.829.500	679.935.829.500
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.944.579.200	3.944.579.200	23.081.200.000	23.081.200.000
<i>Quyền mua chứng khoán</i>	-	-	6.667.817.825	6.667.817.825
Phải thu từ các hoạt động đầu tư	7.167.929.555	7.167.929.555	10.492.363.556	10.492.363.556
	445.840.817.077	445.840.817.077	742.621.503.213	742.621.503.213
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho hoạt động đầu tư	26.969.514	26.969.514	596.023.111	596.023.111
Tiền thù lao phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	48.000.000	48.000.000	48.000.000	48.000.000
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	586.613.221	586.613.221	1.285.480.022	1.285.480.022
Phải trả khác	800.067.111	800.067.111	1.066.804.500	1.066.804.500
	1.461.649.846	1.461.649.846	2.996.307.633	2.996.307.633

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá giao dịch bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
- Giá trị hợp lý của quyền mua chứng khoán được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán trừ đi giá thực hiện quyền.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

17. Sự kiện phát sinh sau ngày trên bảng cân đối kế toán

(a) Giao dịch bán cổ phiếu SJS

Tại ngày 14 tháng 12 năm 2011, Quỹ đã ký một hợp đồng bán chứng khoán với 1 cá nhân theo đó Quỹ sẽ bán 835.000 cổ phiếu SJS mà Quỹ đang nắm giữ với giá trị giao dịch 24.215.000.000 Đồng. Theo hợp đồng này, giao dịch bán chỉ có hiệu lực nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Giao dịch được chấp thuận bởi Hội đồng Quản trị của SJS;
- Giao dịch được chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; và
- Giao dịch được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có liên quan, nếu có.

Tại ngày 16 tháng 1 năm 2012, Quỹ đã nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với giao dịch được đề cập ở trên. Vào ngày 1 tháng 2 năm 2012, Quỹ đã nhận được một khoản tiền thanh toán là 14.529.000.000 Đồng (tương đương 60% giá trị giao dịch) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng.

(b) Chuyển đổi sang quỹ mở

Vào ngày 16 tháng 12 năm 2011, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 183/2011/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Theo đó, từ ngày có hiệu lực của Thông tư này là ngày 1 tháng 3 năm 2012, các nhà đầu tư sẽ được quyền hợp pháp thành lập quỹ mở. Thông tư này cũng cho phép các quỹ mở được hình thành từ việc chuyển đổi của các quỹ đóng với điều kiện:

- Quỹ có giá trị tài sản ròng tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi quỹ đạt tối thiểu 50 tỷ Đồng;
- Danh mục đầu tư chỉ bao gồm cổ phiếu niêm yết và đăng ký tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, tiền và các khoản tương đương tiền theo tỷ lệ hạn chế đầu tư như đã định; và
- Có kế hoạch chuyển đổi quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Việc chuyển đổi Quỹ từ quỹ đóng sang quỹ mở đã được thảo luận tại cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ ngày 13 tháng 2 năm 2012. Theo đó Ban đại diện Quỹ đã ủy quyền cho Công ty Quản lý Quỹ chuẩn bị phương án chuyển đổi trình Ban đại diện Quỹ xem xét trước khi họp Đại hội nhà đầu tư thường niên. Phương án chuyển đổi sẽ phân tích các điểm lợi và bất lợi khi thực hiện chuyển đổi cũng như lộ trình và chi phí thực hiện việc chuyển đổi. Ban đại diện Quỹ sẽ xem xét phương án và nếu có thể, sẽ trình Đại hội nhà đầu tư để xin ý kiến chấp thuận cho việc chuyển đổi này.

18. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 15 tháng 2 năm 2012.



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Lê Thị Thành Tâm

Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ
Bộ Phận Dịch vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Việt Nam

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012